

**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH BẢO HIỂM Y TẾ
VÀ THANH TOÁN ĐA TUYẾN**

Số: /GDDT-QLHT
V/v thực hiện kiểm thử dữ liệu
Theo Quyết định số 130/QĐ-BYT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Kính gửi: Vụ Bảo hiểm y tế, Bộ Y tế

Trung tâm Giám định bảo hiểm y tế và Thanh toán đa tuyến thông báo tình hình liên thông dữ liệu kiểm thử theo quy định của Bộ Y tế tại các Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 và Quyết định số 4750/QĐ-BYT ngày 29/12/2023 về việc quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan, đến ngày 24/06/2024 như sau:

Có 5.823/12.946 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (KBCB) bảo hiểm y tế gửi dữ liệu kiểm thử (44,9%), trong đó:

- 1.819 cơ sở KBCB thực hiện liên thông dữ liệu kiểm thử đáp ứng yêu cầu tại Quyết định số 130/QĐ-BYT.

- 4.004 cơ sở KBCB thực hiện liên thông dữ liệu kiểm thử không đáp ứng yêu cầu tại Quyết định số 130/QĐ-BYT.

(Chi tiết từng cơ sở KBCB gửi kèm)

Kính đề nghị Vụ Bảo hiểm y tế, Bộ Y tế tiếp tục yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ Y tế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTGD Nguyễn Đức Hòa (để b/c);
- PTGD Chu Mạnh Sinh (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Các đơn vị: CSYT, CNTT;
- BHXH các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, QLHT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Tô Hồng Lương

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KIỂM THỬ DỮ LIỆU KCB TRÊN CÔNG TIẾP NHẬN DỮ LIỆU
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 130/QĐ-BYT (tính đến hết ngày 24/06/2024)

TT	Mã tỉnh	Tên Tỉnh	Số CSKCB	Số CSKCB gửi kiểm thử	Tỷ lệ kiểm thử	Số CSKCB gửi kiểm thử đúng	Số CSKCB gửi kiểm thử sai	Số CSKCB không gửi kiểm thử
1	01	Hà Nội	731	188	25.7%	29	159	543
2	02	Hà Giang	213	16	7.5%	3	13	197
3	04	Cao Bằng	184	20	10.9%	2	18	164
4	06	Bắc Kạn	115	58	50.4%	-	58	57
5	08	Tuyên Quang	168	33	19.6%	4	29	135
6	10	Lào Cai	172	165	95.9%	68	97	7
7	11	Điện Biên	140	132	94.3%	104	28	8
8	12	Lai Châu	120	72	60.0%	26	46	48
9	14	Sơn La	228	217	95.2%	9	208	11
10	15	Yên Bái	197	124	62.9%	27	97	73
11	17	Hoà Bình	232	8	3.4%	1	7	224
12	19	Thái Nguyên	222	126	56.8%	53	73	96
13	20	Lạng Sơn	215	175	81.4%	57	118	40
14	22	Quảng Ninh	231	117	50.6%	10	107	114
15	24	Bắc Giang	255	36	14.1%	14	22	219
16	25	Phú Thọ	275	25	9.1%	7	18	250
17	26	Vĩnh Phúc	180	27	15.0%	4	23	153
18	27	Bắc Ninh	164	137	83.5%	37	100	27
19	30	Hải Dương	286	197	68.9%	66	131	89
20	31	Hải Phòng	188	50	26.6%	22	28	138
21	33	Hưng Yên	194	19	9.8%	6	13	175
22	34	Thái Bình	299	48	16.1%	17	31	251

TT	Mã tỉnh	Tên Tỉnh	Số CSKCB	Số CSKCB gửi kiểm thử	Tỷ lệ kiểm thử	Số CSKCB gửi kiểm thử đúng	Số CSKCB gửi kiểm thử sai	Số CSKCB không gửi kiểm thử
23	35	Hà Nam	122	20	16.4%	3	17	102
24	36	Nam Định	289	39	13.5%	14	25	250
25	37	Ninh Bình	191	76	39.8%	9	67	115
26	38	Thanh Hóa	684	627	91.7%	40	587	57
27	40	Nghệ An	530	263	49.6%	30	233	267
28	42	Hà Tĩnh	254	122	48.0%	46	76	132
29	44	Quảng Bình	187	171	91.4%	35	136	16
30	45	Quảng Trị	153	11	7.2%	2	9	142
31	46	Thừa Thiên Huế	188	115	61.2%	54	61	73
32	48	Đà Nẵng	95	25	26.3%	18	7	70
33	49	Quảng Nam	303	29	9.6%	10	19	274
34	51	Quảng Ngãi	208	39	18.8%	11	28	169
35	52	Bình Định	196	189	96.4%	119	70	7
36	54	Phú Yên	119	26	21.8%	5	21	93
37	56	Khánh Hòa	180	138	76.7%	81	57	42
38	58	Ninh Thuận	79	15	19.0%	1	14	64
39	60	Bình Thuận	135	18	13.3%	6	12	117
40	62	Kon Tum	123	117	95.1%	90	27	6
41	64	Gia Lai	252	147	58.3%	7	140	105
42	66	Đắk Lắk	225	215	95.6%	12	203	10
43	67	Đắk Nông	86	15	17.4%	5	10	71
44	68	Lâm Đồng	169	34	20.1%	14	20	135
45	70	Bình Phước	128	24	18.8%	3	21	104
46	72	Tây Ninh	119	103	86.6%	13	90	16

TT	Mã tỉnh	Tên Tỉnh	Số CSKCB	Số CSKCB gửi kiểm thử	Tỷ lệ kiểm thử	Số CSKCB gửi kiểm thử đúng	Số CSKCB gửi kiểm thử sai	Số CSKCB không gửi kiểm thử
47	74	Bình Dương	173	26	15.0%	10	16	147
48	75	Đồng Nai	269	54	20.1%	30	24	215
49	77	Bà Rịa - Vũng Tàu	125	27	21.6%	3	24	98
50	79	TP Hồ Chí Minh	430	219	50.9%	111	108	211
51	80	Long An	186	178	95.7%	133	45	8
52	82	Tiền Giang	216	50	23.1%	13	37	166
53	83	Bến Tre	166	160	96.4%	101	59	6
54	84	Trà Vinh	113	104	92.0%	46	58	9
55	86	Vĩnh Long	130	96	73.8%	63	33	34
56	87	Đồng Tháp	178	42	23.6%	11	31	136
57	89	An Giang	188	20	10.6%	3	17	168
58	91	Kiên Giang	186	80	43.0%	42	38	106
59	92	Cần Thơ	122	20	16.4%	7	13	102
60	93	Hậu Giang	95	94	98.9%	35	59	1
61	94	Sóc Trăng	139	16	11.5%	5	11	123
62	95	Bạc Liêu	81	31	38.3%	10	21	50
63	96	Cà Mau	125	38	30.4%	2	36	87
	Toàn quốc		12,946	5,823	44.98%	1,819	4,004	7,123